

Bản án số: 303/2019/DS-PT

Ngày: 17-9-2019

"V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng chuyển nhượng quyền sử
dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội.
Ông Huỳnh Thanh Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm
2019, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng
đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019
của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 300/2019/QĐ-PT ngày
01 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 330/2019/QĐ-
PT ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp C.D, xã T.C.S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B là chị Võ Thị Huỳnh
M, sinh năm 1980 (theo văn bản ủy quyền ngày 20/7/2018);

Địa chỉ: A, Khóm B, thị trấn T.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Chị Võ Thị Huỳnh M, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn T.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Trọng N, sinh năm 1959 (Có đơn xin vắng mặt);

2.2. Chị Lê Thị Huỳnh T, sinh năm 1989 (Có mặt);

2.3. Anh Lê Trọng H, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: C, Khóm B, thị trấn T.C, huyện T, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Thanh S, sinh năm 1962 (Có mặt);

Địa chỉ: D đường L.T.K, Phường E, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1978 (Vắng mặt);

3.3. Chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

3.4. Anh Võ Chí B2, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

3.5. Chị Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

3.6. Bà Hà Thị C, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

3.7. Chị Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

3.8. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

3.9. Anh Trần Phước H3, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

3.10. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1959 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm G, thị trấn T.C, huyện T, Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B (Là nguyên đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B ủy quyền cho chị Võ Thị Huỳnh M trình bày:

Ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng. Năm 2006, ông Đ có nhận sang nhượng đất từ bà Huỳnh Thị N (vợ ông N) 02 nền nhà ở chợ thực phẩm huyện T - trung tâm thị trấn T.C (01 nền diện tích 105,3m² thuộc thửa 2131 và 01 nền diện tích 80m² thuộc thửa 2132) với giá 80.000.000đồng, sau khi giao đủ tiền thì 02 bên chỉ làm giấy tay. Khi sang nhượng thì bà N giao giấy tay mua bán và 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ (bản gốc), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Thanh S đứng tên.

Năm 2007 bà N chết, năm 2016 ông Đ chết nên chưa làm thủ tục sang tên chuyển quyền. Các giấy tờ sang nhượng gồm: 01 giấy tay và 02 giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc để trong áo gói nên gia đình không biết đã đốt bỏ khi ông Đ chết nên không còn.

Do đó bà B khởi kiện và tại phiên tòa yêu cầu ông N, chị T, anh H (chồng và con của bà N) thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng hình thức chuyển quyền tại các thửa đất do ông Lê Thanh S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B.

Ngày 22/7/2018, chị M có đơn xin không khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm cũng đồng ý rút đơn khởi kiện và giao quyền khởi kiện lại cho bà B.

- Bị đơn ông Lê Trọng N, chị Lê Thị Huỳnh T, anh Lê Trọng H cùng trình bày:

Không biết việc chuyển nhượng đất của bà N với ông Đ, gia đình cũng không có quyền sử dụng đất như lời khai của nguyên đơn, chỉ biết trước đây gia đình mua bán ở chợ thì có mượn đất của ông S để đồ bán. Nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh S trình bày:

Diện tích đất ở thuộc hai thửa đất số 2131 và 2132 là vào năm 1999 ông S mua nền sinh lợi của Nhà nước với giá 26.000.000 đồng, đến năm 2003 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai thửa đất trên là đất của ông S và ông S không có sang nhượng hay có vấn đề gì liên quan đến đất đai với gia đình bà B, ông Đ nên không đồng ý chuyển quyền sử dụng đất theo yêu cầu của phía nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú T2, bà Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:

Ông, bà bán tạp hóa tại chợ, thấy đất trống nên nhờ người quen hỏi ông S để nói rộng sạp để đồ, nếu Tòa án xét xử đất của ai và có yêu cầu thì sẽ di dời, không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị C trình bày:

Thấy đất trống nên bà C cất trại dạng nhà nhấc để mua bán, theo bà biết thì phần đất này là của ông S mua của dự án huyện, nếu có yêu cầu thì đồng ý di dời, không ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim H2, ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Thấy đất trống nên ông, bà có cất mái che trên phần đất tranh chấp, nếu sau này có yêu cầu thì sẽ di dời, không ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim Ph, ông Võ Chí B2 trình bày:

Do thấy đất cặp bên còn trống nên ông, bà có che mái che thêm ra, sẽ đồng ý di dời nếu có nhu cầu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phước H3, bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Đất bà B tranh chấp, thấy trống nên có trồng cây đu đủ, nếu Tòa án xét xử đất của ai và có yêu cầu thì sẽ đốn bỏ, không ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 157, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 500 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 15, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Huỳnh M.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, về việc yêu cầu ông Lê Trọng N, Lê Thị Huỳnh T, Lê Trọng H chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các thửa 200, 202, tờ bản đồ số 60 (bản đồ địa chính hệ tọa độ VN2000), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa đổi do ông Lê Thanh S đứng tên thuộc thửa 2131, 2132, tờ bản đồ số 02, vị trí: Khóm E, thị trấn T.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị B và chị Võ Thị Huỳnh M phải chịu chi phí 6.486.000 đồng (đã nộp xong).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị B, chị Võ Thị Huỳnh M không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho bà B, chị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0000565 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

+ Các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vì bà B không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc bà N cũng như ông S đã có chuyển nhượng hai thửa đất số 2131 và 2132 cùng tờ bản đồ số 02 trên cho ông Đ (chồng bà B). Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ngày 17/9/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, chị Võ Thị Huỳnh M, bị đơn chị Lê Thị Huỳnh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh S có mặt tại phiên tòa. Đối với các bị đơn ông Lê Trọng N, anh Lê Trọng H có đơn đề nghị xin vắng mặt và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu T2, chị Nguyễn Thị Ngọc Y, anh Võ Chí B2, chị Lê Thị Kim Ph, bà Hà Thị C, chị Nguyễn Thị Kim H2, anh Nguyễn Văn Đ, anh Trần Phước H3, bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Phần diện tích đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B với các bị đơn ông Lê Trọng N, chị Lê Thị Huỳnh T, anh Lê Trọng H và người liên quan anh Lê Thanh S trong vụ án này đã được xem xét, thẩm định tại chỗ theo đo đạc thực tế là 80m² thuộc thửa đất số 200 và 105.4m² thuộc thửa đất số 202, cùng tờ

bản đồ số 60 (theo bản đồ địa chính hệ tọa độ VN2000). Theo bản đồ 299 là thửa 2131 (thửa 202), tờ bản đồ số 02 do ông Lê Thanh S đứng tên ngày 07/5/2003 và thửa 2132 (thửa 200), tờ bản đồ số 02 do ông Lê Thanh S đứng tên ngày 15/7/2003, mục đích sử dụng là loại đất thổ, tọa lạc tại thị trấn T.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí, tứ cận, số đo đối với hai thửa đất đang tranh chấp trên được xác định theo Bản đồ đo đạc hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 02/7/2018 (duyet ngày 06/7/2018) của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Theo nội dung kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc ông Lê Trọng N, chị Lê Thị Huỳnh T, anh Lê Trọng H thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B tại các thửa 2131 và thửa 2132, cùng tờ bản đồ số 02 do ông Lê Thanh S đứng tên, đất tọa lạc tại thị trấn T.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vì phía bà B cho rằng hai thửa đất số 2131 và 2132 trên là vào năm 2006 bà Huỳnh Thị N (vợ ông N) làm giấy tay bán, chuyển nhượng cho ông Trương Văn Đ (chồng bà B) với số tiền là 80.000.000 đồng, nhưng đến nay không làm thủ tục sang tên cho gia đình bà B.

[4] Xét qua nội dung kháng cáo cũng như lời trình bày yêu cầu của bà Nguyễn Thị B là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận kháng cáo, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm thì phía bà B không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là bà Huỳnh Thị N (vợ ông N) đã bán, chuyển nhượng hai thửa đất số 2131 và 2132 trên cho ông Trương Văn Đ (chồng bà B). Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp đúng pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M đại diện theo ủy quyền của bà B trình bày cho rằng hai thửa đất số 2131 và 2132 trên là của hộ bà N thuộc diện T2i định cư nên bà N nhờ anh Lê thanh S đứng tên giữ cho bà N và bà N mới chuyển nhượng cho ông Đ, bà B. Xét lời trình bày trên của bà M và bà B là không có căn cứ, bởi lẽ: Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Thanh S trình bày là không thừa nhận hai thửa đất số 2131 và 2132 trên là bà N nhờ anh S đứng tên giữ mà hai thửa đất số 2131 và 2132 trên là của anh S mua hợp pháp của Nhà nước trên cơ sở bán nền sinh lợi bằng hợp đồng kinh tế giữa Nhà nước với người dân; Đồng thời, tại văn bản số: 1311/UBND-NC ngày 23/11/2018, Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp thông tin

như sau: “Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ: 01310QSDĐ/183/H ngày 07/5/2003 tại thửa đất số 2131, diện tích 105,3m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ: 1418QSDĐ/961/H ngày 15/7/2003 tại thửa đất số 2132, diện tích 80m² cùng tờ bản đồ số 02, mục đích sử dụng đất ở đô thị, tọa lạc tại thị trấn T.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cho ông Lê Thanh S trên cơ sở bán nền sinh lợi bằng hợp đồng kinh tế và tại văn bản số: 504/UBND-NC ngày 08/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp thông tin như sau: “Ngày 07/5/2003 và ngày 15/7/2003 Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thanh S có số vào sổ 01310QSDĐ/183/H tại thửa 2131, diện tích 105,3m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ: 1418QSDĐ/961/H tại thửa 2132, diện tích 80m² cùng tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại thị trấn T.C được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy”; Mặt khác, căn cứ vào Quyết định số: 04/QĐ-UB ngày 08/4/2003 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giao đất cho hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà ở tại Trung tâm thị trấn T.C, huyện T là không có tên hộ bà Huỳnh Thị N trong Quyết định được cấp nền”. Từ những phân tích trên xét thấy kháng cáo của bà B là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà B.

[6] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà B và giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã xét xử là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp đúng pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí phúc thẩm do thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chị Võ Thị Huỳnh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do rút yêu cầu khởi kiện.

[9] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị B và chị Võ Thị Huỳnh M phải tự chịu 6.486.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp chi xong).

[10] Các phần khác tại phần quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3, khoản 9 Điều 26; Điều 147; Điều 148; khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 99, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu ông Lê Trọng N, chị Lê Thị Huỳnh T, anh Lê Trọng H thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B tại các thửa 2131, tờ bản đồ số 02 do ông Lê Thanh S đứng tên ngày 07/5/2003 và thửa 2132, tờ bản đồ số 02 do ông Lê Thanh S đứng tên ngày 15/7/2003 (theo bản đồ địa chính hệ tọa độ VN2000 là thửa 200 và thửa 202, cùng tờ bản đồ số 60), mục đích sử dụng là loại đất thổ, tọa lạc tại thị trấn T.C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
4. Về án phí:
 - 4.1. Bà Nguyễn Thị B, chị Võ Thị Huỳnh M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B, chị Võ Thị Huỳnh M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0000565 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
 - 4.2. Các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
 - 4.3. Bà Nguyễn Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.
5. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị B và chị Võ Thị Huỳnh M phải tự chịu 6.486.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp chi xong).
6. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao